

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 17-11-2022

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NINH THUẬN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Đạt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Quang Chính

2. Ông Nguyễn Văn Thường

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Lê Muộn - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 11 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 150/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19-10-2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 77/2022/QĐST-HNGĐ ngày 01-11-2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Bà Nguyễn Vũ Ánh T, sinh năm 198**. Địa chỉ: Thôn Q, xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận. Có mặt.

Bị đơn: **Ông Lê Văn Ch, sinh năm 198**. Địa chỉ: Thôn N, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29-12-2021 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Vũ Ánh T trình bày:

Bà T và ông Lê Văn Ch chung sống với nhau từ năm 2004, hai bên gia đình có tổ chức cưới hỏi; vợ chồng có tìm hiểu nhau được thời gian khoảng 01 năm tiến đến hôn nhân; vợ chồng có đăng ký kết hôn vào ngày 27-4-2005 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện N.

Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2015, nguyên nhân do ông Lê Văn Ch có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác, về nhà đập phá đồ đạc, bạo lực gia đình, bà T phải báo chính quyền, Công an can thiệp; vợ chồng không còn chung sống từ tháng 10-2021 cho đến nay; vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, bỏ mặc nhau muốn sống ra sao thì sống; Đến thời điểm hôm nay bà T xác định không

còn tình cảm yêu thương ông Lê Văn Ch, tình cảm yêu thương của bà T đối với ông Ch đã hết hoàn toàn; Vì vậy bà Nguyễn Vũ Ánh T yêu cầu ly hôn ông Lê Văn Ch, bà T đã suy nghĩ kỹ, cương quyết ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 người con chung tên Lê Nguyễn Chí B, sinh 26-3-200; Lê Nguyễn Thiên Â, sinh 06-4-201 và Lê Nguyễn Trà M, sinh 01-9-201, hiện các con đang ở với bà T. Ly hôn bà T yêu cầu nuôi 03 con chung, không yêu cầu ông Ch cấp dưỡng nuôi con.

Hiện nay bà T đang làm quản lý quán cơm N tại xã P, huyện T hàng tháng thu nhập bình quân khoảng 10.000.000đ, đủ khả năng nuôi con.

Hiện nay ông Ch làm việc tại công ty muối H, địa chỉ xã P, huyện T, thu nhập bao nhiêu bà T không biết, không quan tâm.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, Bị đơn ông Lê Văn Ch vắng mặt không có lý do dù đã được Tòa án triệu tập, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng.

- Tại phiên tòa bà Nguyễn Vũ Ánh T vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tại phiên tòa phát biểu: Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đều tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đúng thành phần, xét xử đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Đối với bị đơn, Tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng Bị đơn vẫn cố tình vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đã phân tích đánh giá tài liệu, chứng cứ, thực trạng hôn nhân của bà Nguyễn Vũ Ánh T và ông Lê Văn Ch, đề nghị: Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Vũ Ánh T được ly hôn ông Lê Văn Ch .

Về con chung: Giao 03 con chung tên Lê Nguyễn Chí B, sinh 26-3-200; Lê Nguyễn Thiên Â, sinh 06-4-201 và Lê Nguyễn Trà M, sinh 01-9-201 cho bà Nguyễn Vũ Ánh T trực tiếp nuôi dưỡng, ông Lê Văn Ch không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Vũ Ánh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] - Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn bà Nguyễn Vũ Ánh T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con đối với bị đơn ông Lê

Văn Ch, vì vậy Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là ly hôn, tranh chấp nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn ông Lê Văn Ch cư trú tại thôn N, xã P, huyện N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) năm 2015.

[1.2] - Về sự vắng mặt của bị đơn ông Lê Văn Ch: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ các Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn ông Lê Văn Ch vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Vũ Ánh T và ông Lê Văn Ch tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận theo giấy chứng nhận kết hôn số 41, quyển số I/05, ngày 27-4-2005; Hội đồng xét xử xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Vũ Ánh T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn ông Lê Văn Ch, vì tình cảm vợ chồng không còn, bạo lực gia đình, mâu thuẫn gay gắt, trầm trọng, xa cách thời gian dài, không ai đặt vấn đề trở lại chung sống đoàn tụ.

Xét thấy: Nguyên nhân dẫn đến ly hôn do vợ chồng ông Lê Văn Ch và bà Nguyễn Vũ Ánh T thường xuyên cãi vã gay gắt, xúc phạm nhau, ông Lê Văn Ch không quan tâm đến bà Nguyễn Vũ Ánh T, bạo lực gia đình, vợ chồng không còn chung sống từ tháng 10-2021 đến nay, không ai quan tâm đến ai, bỏ mặc nhau muốn sống ra sao thì sống, bà Nguyễn Vũ Ánh T không còn yêu thương ông Lê Văn Ch nữa.

Tòa án xác minh tại chính quyền địa phương cung cấp: Hiện tại vợ chồng bà Nguyễn Vũ Ánh T và ông Lê Văn Ch mâu thuẫn gay gắt, có đánh nhau, chính quyền địa phương phải can thiệp, vợ chồng không còn chung sống với nhau tháng 10-2021 đến nay, bỏ mặc nhau muốn sống ra sao thì sống, không còn khả năng đoàn tụ.

- Đối với bị đơn ông Lê Văn Ch dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ, các văn bản tố tụng, niêm yết công khai nhiều lần theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng vẫn cố tình không đến. Bị đơn ông Lê Văn Ch vắng mặt xem như từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, chứng tỏ yêu cầu khởi kiện ly hôn và lời khai của bà Nguyễn Vũ Ánh T là có căn cứ.

Từ những chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn vợ chồng bà Nguyễn Vũ Ánh T và ông Lê Văn Ch đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Vũ Ánh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Bà Nguyễn Vũ Ánh T và ông Lê Văn Ch có 03 con chung tên Lê Nguyễn Chí B, sinh 26-3-200; Lê Nguyễn Thiên Â, sinh 06-4-201 và Lê Nguyễn Trà M, sinh 01-9-201; hiện nay các con đang ở với bà T. Ly hôn bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung, không yêu cầu ông Ch cấp dưỡng nuôi con.

Xét về yêu cầu trực tiếp nuôi con của bà Nguyễn Vũ Ánh T, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Nguyễn Vũ Ánh T là người trực tiếp chăm sóc con chung từ nhỏ đến nay; con chung mạnh khỏe, quyền lợi về mọi mặt của con chung được đảm bảo; đồng thời các con chung có nguyện vọng xin được ở với mẹ là bà Nguyễn Vũ Ánh T, do đó phải tôn trọng ý kiến của các con chung là có căn cứ; Vì vậy nên giao 03 con chung tên Lê Nguyễn Chí B, sinh 26-3-200; Lê Nguyễn Thiên Â, sinh 06-4-201 và Lê Nguyễn Trà M, sinh 01-9-201 cho bà Nguyễn Vũ Ánh T được trực tiếp nuôi dưỡng, ông Lê Văn Ch không cấp dưỡng nuôi con chung do bà T không yêu cầu, là phù hợp với quy định tại các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Vũ Ánh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ.

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát huyện N tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ và đúng pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, các điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Vũ Ánh T. Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Vũ Ánh T và ông Lê Văn Ch.

2. Về con chung:

Giao giao 03 con chung tên Lê Nguyễn Chí B, sinh 26-3-200; Lê Nguyễn Thiên Â, sinh 06-4-201 và Lê Nguyễn Trà M, sinh 01-9-201 cho bà Nguyễn Vũ Ánh T được trực tiếp nuôi dưỡng, ông Lê Văn Ch không cấp dưỡng nuôi con chung do bà T không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về án phí:

Bà Nguyễn Vũ Ánh T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) bà T đã nộp theo biên lai thu tiền số: 0002477, ngày 20-4-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Bà Nguyễn Vũ Ánh T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn không có mặt tại phiên tòa, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện N;
- UBND xã P;
- Chi cục THADS huyện N;
- TAND tỉnh;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Quốc Đạt